

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 65/2024/HNGĐ-ST

Ngày 23 - 8 - 2024

“V/v yêu cầu không công nhận quan
hệ vợ chồng và tranh chấp về nuôi
con giữa nam, nữ chung sống với
nhau như vợ chồng mà không
đăng ký kết hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Thuôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Tím

2. Ông Sơn Ken

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Bô Na, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Đoàn Tô Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 118/2024/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc “tranh chấp về nuôi con giữa nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 01 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Kim Thị L, sinh ngày 01/01/1977; địa chỉ ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Thạch S, sinh năm 1981; địa chỉ ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2024 của nguyên đơn bà Kim Thị L trình bày: Vào năm 1999, do quen biết và được sự đồng ý của hai bên gia đình nên bà và ông Kim S1 có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới bà và ông S1 cùng sống chung với gia đình của ông S1 tại ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống giữa bà và ông

S1 sống có hạnh phúc được khoảng 24 năm và có 03 người con chung tên Thạch Thị Mỹ L1, sinh ngày 25/01/2000; Thạch Thị Mỹ D, sinh ngày 04/12/2001 và Thạch Thiên V, sinh ngày 22/9/2008. Tuy nhiên, đến năm 2022 giữa bà và ông S1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi với nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và công việc làm ăn. Từ đó cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên không thể tiếp tục chung sống với nhau nên đã sống ly thân với nhau đến nay. Nay nhận thấy, giữa bà và ông S1 không thể hàn gắn lại với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận giữa bà với ông Thạch S là vợ chồng; đối với 02 người con tên Thạch Thị Mỹ L1, sinh ngày 25/01/2000; Thạch Thị Mỹ D, sinh ngày 04/12/2001 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; đối với con chung tên Thạch Thiên V, sinh ngày 22/9/2008 thì tùy theo nguyện vọng của con muốn sống với ai thì người đó nuôi dưỡng; về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Kim Thị L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Kim S1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án nhận thấy: Giữa bà Kim Thị L và ông Thạch S mặc dù đã chung sống với nhau như vợ chồng, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng ông, bà đã không đăng ký kết hôn do đó hôn nhân của hai người không có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Quá trình chung sống với nhau như vợ chồng, bà L và ông S có mâu thuẫn, hiện nay không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Vì vậy, căn cứ khoản 7, 8 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 15, Điều 53 và Điều 58, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kim Thị L.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Kim Thị L và ông Thạch S.

- Về con chung: Giao cháu Thạch Thiên V, sinh ngày 22/9/2008 cho ông Thạch S được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu cháu V muốn sống chung với ông S; bà Kim Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc bà Kim Thị L yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Thạch S và có yêu cầu giải quyết về quyền trực tiếp nuôi con chung nên đây là vụ kiện “*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp về nuôi con giữa nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*” theo quy định tại khoản 7, 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn bà Kim Thị L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Kim S1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Thấy rằng giữa nguyên đơn bà Kim Thị L2 và bị đơn ông Thạch S mặc dù có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng ông, bà không có đăng ký hôn nên đã vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình. Do đó, quan hệ giữa bà Kim Thị L2 và ông Thạch S không phải là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa bà Kim Thị L2 và ông Thạch S là vợ chồng theo như yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị L là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống giữa bà Kim Thị L và ông Thạch S có 03 người con chung tên Thạch Thị Mỹ L1, sinh ngày 25/01/2000; Thạch Thị Mỹ D, sinh ngày 04/12/2001 và Thạch Thiên V, sinh ngày 22/9/2008. Hiện nay, 02 người con chung tên Thạch Thị Mỹ L1, sinh ngày 25/01/2000; Thạch Thị Mỹ D, sinh ngày 04/12/2001 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt giải quyết về người trực tiếp nuôi dưỡng đối với 02 cháu Thạch Thị Mỹ L1 và Thạch Thị Mỹ D. Đối với cháu Thạch Thiên V, hiện nay cháu đang sinh sống với ông Thạch S; qua tiếp xúc thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với cha là ông Thạch S. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Thạch Thiên V cho ông Thạch S được tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp theo nguyện vọng của cháu V.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Trong vụ án hôn nhân và gia đình thì nguyên đơn phải chịu theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7, 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 và Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kim Thị L.

+ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Kim Thị L và ông Thạch S là vợ chồng.

+ Về con chung: Giao cháu Thạch Thiên V, sinh ngày 22/9/2008 cho ông Thạch S được trực tiếp nuôi dưỡng (đây cũng là nguyện vọng của cháu Thạch Thiên V). Bà Kim Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với bên trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

+ Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Kim Thị L phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Kim Thị L đã nộp trước bằng 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 003514 ngày 19/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh nên bà Kim Thị L không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã Kim Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Thuônê

